TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 20/3/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Huệ;

2. Bà Lộc Thị Kim Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2023, về việc: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13/02/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 10a/2023/QĐST- HNGĐ ngày 28/02/2023, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị T, sinh năm 1990

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1986.

Cùng trú tại: Thôn 7, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh G vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ngô Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn G tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 21/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị làm ăn, sinh sống ở thôn 7, xã T, huyện Y. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận. Từ năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn

tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn G có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến H, sinh ngày 18/9/2012 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/11/2016, hiện nay cháu H và cháu T đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị xác định, chị và anh G không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên anh G không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được. Chị T có đơn từ chối hòa giải.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, Chị T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T, xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn G. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tiến H, sinh ngày 18/9/2012 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/11/2016 cho Chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T và anh G kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định anh Nguyễn Văn G hiện đang cư trú, sinh sống tại xã T, huyện Y. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y.

[3] Anh G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn G: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh G đang sinh sống thường xuyên xác định: Chị T và anh G kết hôn từ năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung tại thôn 7, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được. Bản thân Chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị T xác định do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh G không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh G cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Chị T và anh G sống ly thân gần 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa Chị T và anh G đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Chị T là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Chị T và anh G có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến H, sinh ngày 18/9/2012 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/11/2016, hiện nay cháu H và cháu T đang ở với Chị T. Anh G giấu địa chỉ, không rõ nghề nghiệp, mức thu nhập và không có văn bản trình bày nguyện vọng nuôi con. Bản thân Chị T có nguyện vọng được nuôi con, có thu nhập trung bình từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ/ tháng, có chỗ ở ổn định. Cháu H và cháu T đều trên 7 tuổi có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương có ý kiến, trong hoàn cảnh của Chị T thì Toà án nên giao cả hai cháu cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy yêu cầu được quyền nuôi con của Chị T là có căn cứ cần được chấp nhận. Do Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, đất đai chung: Chị T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về công nợ chung: Chị T xác định không có.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh G không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Ngô Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn G.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến H, sinh ngày 18/9/2012 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/11/2016 cho chị Ngô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Ngô Thị T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004366 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Văn G không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã T (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thu Hà - Đặng Thị Huệ	**Nguyễn Xuân Thủy**